

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê
2. Bà Trịnh Thị Phương Châm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 826/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/03/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mạc Chí T, sinh năm: 1971; (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: Số 219 N, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1975; (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số 219 N, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản khai tại Tòa, nguyên đơn – Ông Mạc Chí T trình bày:

Ông Mạc Chí T và Bà Trần Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/6/1993. Hai bên chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng quan

điểm sống nên vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Hiện ông Mạc Chí T và bà Trần Thị N đã ly thân ba năm, không còn yêu thương nhau, quan tâm đến nhau. Hiện tại hai bên không thể hòa giải, hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông Mạc Chí T và bà Trần Thị N có 02 con chung là Mạc Thủy T6, sinh ngày 24/8/1995 và cháu Mạc Thiên TN, sinh ngày 21/12/1997. Các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết vì không có

- *Bị đơn là Bà Trần Thị N trình bày:*

Bà Trần Thị N và ông Mạc Chí T có đăng ký kết hôn ngày 30/6/1993 tại Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, uy hiếp đe dọa tinh thần trầm trọng. Hiện tại đã không sống chung từ tháng 10/2021, vì phải ra khỏi khu nhà 219 N, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay, ông T yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý ly hôn, muốn về ở chung như trước.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Mạc Thủy T6, sinh ngày 24/8/1995 và Mạc Thiên TN, sinh ngày 21/12/1997. Các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Bà N sẽ khởi kiện vụ án khác, khi có đủ tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa:

Ông Mạc Chí T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, tuy nhiên trong đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trần Thị N. Con chung đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết, tài sản chung khai không có.

Bà Trần Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, tuy nhiên trong đơn vẫn giữ nguyên ý kiến với tờ khai đã khai trước đây, không đồng ý ly hôn vì còn đang đắn đo trong quyết định ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

+ Về quan hệ tranh chấp: Ông Mạc Chí T khởi kiện Bà Trần Thị N yêu cầu về việc ly hôn. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 thì việc Tòa án nhân dân Quận 1 xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về ly hôn” là có cơ sở.

+ Về thụ lý và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú trên địa bàn Quận 1. Do đó, căn cứ, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân Quận 1 thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân Quận 1 đã chuyển thông báo thụ lý vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đúng thời hạn theo quy định tại Điều 196 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Thu thập chứng cứ: Xét thấy trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 1 đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 93, Điều 94, Điều 96, Điều 97, Điều 98 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại Chương X Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 11/01/2022, Tòa án nhân dân Quận 1 thụ lý vụ án, đến ngày 14/03/2022 ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 826/2022/QĐXXST-HNGĐ là đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ: Được Tòa án gửi cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mạc Chí T được ly hôn với Bà Trần Thị N; Về con chung đã thành niên, Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, về tài sản chung, nợ chung Ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Mạc Chí T có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với bà Trần Thị N đang cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của ông Mạc Chí T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Mạc Chí T và bà Trần Thị N tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/6/1993 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 153/TT; nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông Mạc Chí T Hai khai hai bên chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Hiện ông Mạc Chí T và bà Trần Thị N đã ly thân ba năm, không còn yêu thương nhau, quan tâm đến nhau. Hiện tại hai bên không thể hòa giải, hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, để ổn định cuộc sống.

Mặc khác, bà Trần Thị N khai hai bên sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, uy hiếp đe dọa tinh thần trầm trọng. Hiện tại đã không sống chung từ tháng 10/2021, vì phải ra khỏi khu nhà 219 N, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay, ông T yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý ly hôn, muốn về ở chung như trước.

Trong thời gian thụ lý giải quyết vụ án, ông Mạc Chí T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị đưa vụ án ra xét xử.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân gia đình phải được xây dựng từ hai phía, tuy nhiên giữa ông T và Bà N đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên nguyện vọng của Bà N không đồng ý ly hôn, muốn về sống chung như trước là không có cơ sở. Do đó, yêu cầu của ông T được ly hôn với Bà N để ổn định cuộc sống là chính đáng; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là Mạc Thủy T6, sinh năm 1995 và Mạc Thiên TN, sinh năm 1997. Các con chung đã thành niên, ông T, Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà N khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông T không yêu cầu tòa án giải quyết vì không có; Bà N khai sẽ khởi kiện vụ án khác, khi có đủ tài liệu chứng cứ, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Mạc Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp về hôn nhân và gia đình là: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[4] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn – Ông Mạc Chí T;

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mạc Chí T được ly hôn với bà Trần Thị N.

- Về con chung: Các con chung đã thành niên, ông T và Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Ông T và Bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Ông T và Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Ông Mạc Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp về hôn nhân và gia đình là: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005315 ngày 11/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Mạc Chí T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Ông Mạc Chí T, bà Trần Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- UBND Quận M;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Diệu Linh